

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Minh	Hoàng	3671040657	16/12/1994	3,40	5,00	4,50	
2	Lê Trịnh Việt	Chinh	3671040670	15/04/1986	1,80	3,50	3,00	
3	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993	7,00	4,20	5,00	
4	Trần	Tuấn	3671040684	02/02/1994	,00	,00	,00	
5	Nguyễn Tuấn	Khanh	3671040694	22/12/1994	7,30	5,90	6,30	
6	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993	6,80	5,20	5,70	
7	Đoàn Lập	Công	3671040718	16/07/1993	5,40	4,30	4,60	
8	Nguyễn Duy	Cương	3671040732	27/08/1994	5,50	3,30	4,00	
9	Phạm Văn	Vũ	3671040743	23/05/1994	3,80	2,10	2,60	
10	Nguyễn Anh	Tuấn	3671040746	20/08/1994	6,70	4,40	5,10	
11	Nguyễn Huy	Trọng	3671040757	03/03/1994	5,10	2,50	3,30	
12	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994	6,40	6,10	6,20	
13	Vô Văn	Mừng	3671040779	29/09/1994	5,60	4,60	4,90	
14	Vô Trường	Sinh	3671040796	01/04/1994	2,20	3,00	2,80	
15	Trương Lưu Trường	Giang	3671040803	07/02/1994	,00	,00	,00	CT
16	Huỳnh An	Khang	3671040817	08/07/1994	6,30	5,00	5,40	
17	Đặng Ngọc	Hoàng	3671040832	12/07/1994	4,90	3,20	3,70	
18	Lê Bùi Duy	Tân	3671040884	03/02/1993	5,80	,00	1,70	
19	Phạm Tuấn	Anh	3671040897	25/08/1994	5,50	3,90	4,40	
20	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994	4,40	4,00	4,10	
21	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	3,50	2,70	2,90	
22	Trịnh Trung	Chánh	3671040911	29/07/1993	6,30	3,60	4,40	
23	Dương Thanh	Minh	3671040934	29/11/1994	4,10	,00	1,20	
24	Nguyễn Anh	Việt	3671040950	25/12/1993	7,00	4,20	5,00	
25	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	5,10	4,20	4,50	
26	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993	4,90	4,20	4,40	
27	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	3,20	3,80	3,60	
28	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	6,10	4,40	4,90	
29	Lê Trần Anh	Nhật	3671041010	05/05/1994	,00	,00	,00	
30	Phạm Ngọc	Tĩnh	3671041018	20/01/1993	,00	,00	,00	
31	Trần Đăng	Hùng	3671041024	20/05/1994	6,60	,00	2,00	
32	Nguyễn Đình	Phương	3671041028	01/05/1993	6,00	3,00	3,90	
33	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	5,30	3,30	3,90	
34	Lê Thọ	Quý	3671041036	1994	4,80	4,00	4,20	
35	Nguyễn Trường	Kỳ	3671041047	22/04/1993	,00	,00	,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Ngô Minh	Quang	3671041053	25/02/1993	8,60	3,80	5,20	
37	Lê Văn	Phú	3671041073	14/08/1994	6,00	3,40	4,20	
38	Nguyễn Văn	Túc	3671041078	1994	2,50	,00	,80	
39	Bùi Tuấn	Kiệt	3671041079	07/11/1994	5,50	2,10	3,10	
40	Nguyễn Đức	Kiên	3671041100	14/02/1991	5,30	,00	1,60	CT
41	Đàng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992	6,50	3,40	4,30	
42	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993	4,30	2,80	3,30	
43	Nguyễn Đình	Công	3671041109	10/02/1994	,00	,00	,00	CT
44	Phạm Thanh	Danh	3671041123	01/11/1994	5,80	,00	1,70	CT
45	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993	4,50	3,10	3,50	
46	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	4,90	3,80	4,10	
47	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	3,00	3,30	3,20	
48	Nguyễn Văn	Hậu	3671041141	10/07/1994	6,80	5,00	5,50	
49	Nguyễn Vũ	Linh	3671041144	12/08/1994	5,80	,80	2,30	
50	Võ Văn	Thạch	3671041148	14/03/1994	,00	,00	,00	
51	Nguyễn Thanh	Phương	3671041155	17/06/1993	8,00	,00	2,40	
52	Trịnh Huỳnh Quốc	Khánh	3671041167	02/09/1994	,00	,00	,00	
53	Đông Anh	Khoa	3671041170	09/03/1992	3,20	3,20	3,20	
54	Vũ Lã Công	Thành	3671041171	26/09/1993	3,00	,00	,90	
55	Nguyễn Quang	Hiếu	3671041173	28/03/1994	6,10	3,10	4,00	
56	Nguyễn Công	Danh	3671041178	23/08/1993	3,40	,00	1,00	
57	Lê Chiến	Thắng	3671041180	26/11/1994	6,20	,00	1,90	
58	Nguyễn Hữu	Toàn	3671041192	04/08/1993	4,40	3,90	4,10	
59	Đông Văn	Hiền	3671041197	11/03/1994	3,70	2,80	3,10	
60	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	3,50	3,30	3,40	
61	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992	7,60	4,50	5,40	
62	Bùi Quang	Nhã	3671041209	20/07/1994	3,10	4,60	4,20	
63	Kiều Phi	Long	3671041213	10/11/1994	5,50	3,50	4,10	
64	Trần Khánh	Minh	3671041218	31/10/1994	,00	,00	,00	CT
65	Nguyễn Chí	Giàu	3671041222	26/10/1994	6,20	3,80	4,50	
66	Nguyễn Văn	Nghĩa	3671041244	15/02/1993	3,90	,00	1,20	CT
67	Lê Minh	Tân	3671041293	26/07/1994	3,90	3,20	3,40	
68	Vì Văn	Hường	3671041457	09/02/1989	,00	,00	,00	
69	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994	7,00	2,10	3,60	
70	Nguyễn Trung	Hiếu	3671041475	11/11/1994	4,80	2,10	2,90	
71	Hoàng Văn	Đức	3671041496	13/06/1994	6,00	5,40	5,60	
72	Trần Văn	Nam	3671041519	31/08/1994	7,60	5,30	6,00	
73	Châu Hoàng	Tuấn	3671041520	02/10/1993	5,40	,00	1,60	
74	Võ Thị Hoàng	Yến	3671041531	09/07/1994	5,30	,00	1,60	
75	Ngô Văn	Tiếp	3671041533	06/02/1993	4,20	3,40	3,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Đặng Trọng	Quân	3671041966	14/09/1993	7,00	2,80	4,10	
77	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994	5,50	3,40	4,00	
78	Trình Văn	Toàn	3671041983	06/01/1994	6,20	4,40	4,90	
79	Ngô Hữu Thiên	Phương	3671041984	04/12/1994	5,10	6,20	5,90	
80	Nguyễn Đình	Huy	3671041990	06/11/1994	,00	,00	,00	CT
81	Nguyễn Phúc	Hậu	3671041994	21/06/1994	4,40	3,20	3,60	
82	Lê Hùng	Anh	3671042011	20/12/1994	5,30	4,20	4,50	
83	Phùng Minh	Thế	3671042027	10/08/1993	4,40	5,20	5,00	
84	Đỗ Thanh	Hùng	3671042030	02/10/1994	4,20	3,20	3,50	
85	Trần Công	Đức	3671042044	04/04/1994	,00	,00	,00	CT
86	Lê Văn	Tiến	3671042048	28/01/1993	3,50	4,00	3,90	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)